

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-02-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Mạnh Cường
2. Bà Nguyễn Thị Sâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Ngọc Hiền- Kiểm sát viên

Ngày 23/02/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2021, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thanh T**- sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2.Bị đơn: Anh **Lê Đình K**- sinh năm 1984; nơi trú tại: Khu Q, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/01/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thanh T trình bày: Chị T và anh Lê Đình K tự nguyện kết hôn với nhau ngày 30/01/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Chị T về ở cùng bố mẹ đẻ của chị tại xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, còn anh K ở với mẹ đẻ anh K tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng không tổ chức đám cưới theo thủ

tục truyền thống, không chung sống và ly thân cho đến nay, không quan tâm tới nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh K.

Tại bản tự khai ngày 29/11/2021, bị đơn là anh Lê Đình K trình bày: Về thời gian kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị T đã trình bày. Nay chị T đề nghị ly hôn, anh K đồng ý, vì anh không còn tình cảm thương yêu với chị T.

Về con chung: Chị T và anh K thống nhất trình bày là không có con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T và anh K thống nhất trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh T và anh Lê Đình K.

2. Về con chung; tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và

gia đình” và nơi cư trú của bị đơn là tại xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh K bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngay sau khi hai bên đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên nói cãi nhau dẫn tới hai bên không tổ chức đám cưới theo thủ tục truyền thống, không chung sống và sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T và anh K thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để tránh sự giằng buộc không có lợi cho cả hai bên.

[2.2] Về con chung: Hai bên trình bày không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Hai bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh T và anh Lê Đình K.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007715 ngày 09/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh PT;
- Các đương sự
- UBND xã V;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng